

DỰ THẢO:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN.....:202x/BVHTTDL

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ AN TOÀN ĐỐI VỚI THIẾT BỊ BỂ BƠI**

***National technical regulation on Safety of Swimming pool
equipment***

HÀ NỘI - 2024

Lời nói đầu

QCVN:202x/BVHTTDL do Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Đà Nẵng (Cục Thể dục thể thao) biên soạn, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành theo Thông tư số: xx/202x/TT-BVHTTDL ngày x tháng x năm 202x.

Mục lục

	Trang
Lời nói đầu.....	3
1. QUY ĐỊNH CHUNG	5
1.1 Phạm vi điều chỉnh.....	5
1.2 Đối tượng áp dụng.....	5
1.3 Giải thích từ ngữ	5
1.4 Tài liệu viện dẫn	6
2. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT	7
3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ	11
4. CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN HỢP QUY, TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM	13
5. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN HỢP QUY VÀ CÔNG BỐ HỢP QUY	13
6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	15

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN ĐỐI VỚI THIẾT BỊ BỂ BƠI

National technical regulation on Safety of Swimming pool equipment

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn kỹ thuật này quy định các yêu cầu an toàn đối với thiết bị bể bơi, các phương pháp thử tương ứng và yêu cầu về quản lý chất lượng thiết bị bể bơi sản xuất trong nước, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường.

Quy chuẩn này áp dụng cho tất cả thiết bị bể bơi được định nghĩa trong 1.3 và được sử dụng tại các địa điểm tập luyện, thi đấu bơi, lặn thuộc danh mục các sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại Chương 95, Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 có mã HS 9506.19.00.

1.2. Đối tượng áp dụng

1.2.1. Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, phân phối, bán lẻ thiết bị bể bơi, các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

1.2.2. Các tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận hợp quy thực hiện việc đánh giá, chứng nhận thiết bị bể bơi.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chuẩn này, sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa dưới đây:

1.3.1. Thiết bị bể bơi

Các bộ phận được lắp xung quanh và trong bể bơi, để vận hành, sử dụng bể bơi và các khu vực chức năng tiếp giáp.

Những bộ phận này gồm: Thang, bậc thang và tay vịn của thang; Cửa hút, xả nước/ khí phục vụ các tính năng vui chơi giải trí dưới nước; Bục xuất phát; Dải phân cách và đường phân chia; Ván quay vòng; Cầu môn bóng nước; Cầu nhảy cứng, cầu nhảy mềm và các thiết bị liên quan; Sàn bể bơi di động và vách ngăn di động.

1.3.2. Thang thẳng đứng: Kết cấu thẳng đứng với mặt bậc thang nằm ngang và hai tay vịn được sử dụng để đi vào hoặc đi ra khỏi mặt nước đến khu vực xung quanh.

1.3.3. Thang nghiêng: Kết cấu nghiêng với mặt bậc thang nằm ngang và các tay vịn được sử dụng để đi vào hoặc đi ra khỏi mặt nước đến khu vực xung quanh.

1.3.4. Tay nắm uốn cong: Kết cấu được thiết kế để hỗ trợ đi vào hoặc đi ra khỏi mặt nước đến khu vực xung quanh.

1.3.5. Cửa hút dưới sàn/trên thành bể: Thiết bị được thiết kế để lắp đặt dưới sàn/trên thành bể bơi để đưa nước/khí vào trong bể.

1.3.6. Cửa xả nước dưới sàn: Thiết bị được thiết kế để lắp đặt dưới sàn bể bơi, để rút nước ra, bằng trọng lực hoặc lực hút.

1.3.7. Cửa xả nước trên thành bể: Thiết bị được thiết kế để lắp đặt trên thành bể bơi, để rút nước ra, bằng trọng lực hoặc lực hút.

1.3.8. Bục xuất phát: Phần bệ được nâng lên, gắn trên mép bể bơi, dùng để lao xuống nước từ một điểm xuất phát cố định.

1.3.9. Dải phân cách: Dải phân cách: Bộ phận nổi xếp theo đường thẳng, phân chia mặt nước thành các khu vực để đánh dấu các làn bơi.

1.3.10. Đường phân chia: Bộ phận ở trên mặt nước để chia mặt nước thành các khu vực khác nhau.

1.3.11. Ván quay vòng: Dụng cụ, cố định hoặc có thể tháo rời, phù hợp với viền bể bơi để tăng chiều cao cho thành bể trong cùng mặt phẳng. Dụng cụ cho phép người bơi nhìn rõ các đầu thành bể bơi và bề mặt để chạm tới. Dụng cụ cũng có thể được sử dụng để gắn các bảng báo thời gian.

1.3.12. Cầu môn bóng nước: Thiết bị nổi tự do, được néo giữ bởi các đường giới hạn hoặc được gắn cố định vào thành bể bơi

1.3.13. Cầu nhảy cứng: Bệ cứng nằm ngang được nâng lên, nhô ra trên mặt nước dùng cho nhảy cầu.

1.3.14. Cầu nhảy mềm: Ván đàn hồi được nâng lên ở độ cao quy định trên mực nước và nhô ra trên mặt nước dùng cho nhảy cầu.

1.3.15. Sàn bể bơi di động: Sàn có thể điều chỉnh được thiết kế để thay đổi độ sâu của nước bể bơi.

1.3.16. Vách ngăn di động: Cấu trúc có thể di chuyển, cung cấp một vách ngăn vững chắc để chia bể bơi thành nhiều phần.

1.4. Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng quy chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có). Trường hợp các tiêu chuẩn được viện dẫn trong quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định trong văn bản mới.

TCVN 12187-1:2017 (EN 13451-1:2011 Amendment 1:2016) Thiết bị bể bơi – Phần 1 - Yêu cầu an toàn chung và phương pháp thử

TCVN 12187-2:2018 (EN 13451-2:2015) Thiết bị bể bơi - Phần 2: Yêu cầu an toàn và phương pháp thử đối với thang, bậc thang và tay vịn của thang.

TCVN 12187-3:2018 (EN 13451-3:2011+A3:2016) Thiết bị bể bơi - Phần 3: Yêu cầu an toàn cụ thể bổ sung và phương pháp thử đối với cửa hút, xả nước/ khí phục vụ các tính năng vui chơi giải trí dưới nước.

TCVN 12187-4:2019 (EN 13451-4:2014) Thiết bị bể bơi - Phần 4: Yêu cầu an toàn cụ thể bổ sung và phương pháp thử đối với bục xuất phát;

TCVN 12187-5:2019 (EN 13451-5:2014) Thiết bị bể bơi - Phần 5: Yêu cầu an toàn cụ thể bổ sung và phương pháp thử đối với dải phân cách và đường phân chia.

TCVN 12187-6:2021 (BS EN 13451-6:2001) Thiết bị bể bơi - Phần 6: Yêu cầu an toàn riêng bổ sung và phương pháp thử đối với ván quay vòng.

TCVN 12187-7:2021 (BS EN 13451-7:2001) Thiết bị bể bơi - Phần 7: Yêu cầu an toàn riêng bổ sung và phương pháp thử đối với cầu môn bóng nước.

TCVN 12187-10:2021 (BS EN 13451-10:2018) Thiết bị bể bơi - Phần 10: Yêu cầu an toàn riêng bổ sung và phương pháp thử đối với cầu nhảy cứng, cầu nhảy mềm và các thiết bị liên quan.

TCVN 12187-11:2021 (BS EN 13451-11:2014) Thiết bị bể bơi - Phần 11: Yêu cầu an toàn riêng bổ sung và phương pháp thử đối với sàn bể bơi di động và vách ngăn di động.

2. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1. Các thiết bị bể bơi ngoài việc tuân thủ các yêu cầu an toàn chung theo TCVN 12187-1:2017 (EN 13451-1:2011 Amendment 1:2016) còn phải tuân thủ theo các yêu cầu an toàn riêng bổ sung theo quy định trong Bảng 1.

Các yêu cầu trong các tiêu chuẩn cụ thể của bộ TCVN 12187: TCVN 12187-2:2018, TCVN 12187-3:2018, TCVN 12187-4:2019, TCVN 12187-5:2019, TCVN 12187-6:2021, TCVN 12187-

7:2021, TCVN 12187-10:2021, TCVN 12187-11:2021 được ưu tiên hơn các yêu cầu tương ứng của TCVN 12187-1:2017 (EN 13451-1:2011 Amendment 1:2016).

2.2. Các thiết bị bể bơi phải được kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật theo các phương pháp thử tương ứng và phải thỏa mãn mức yêu cầu quy định trong Bảng 1.

Bảng 1 - Danh mục thiết bị bể bơi

TT	Tên sản phẩm	Chỉ tiêu kỹ thuật	Mức yêu cầu	Phương pháp thử	Mã HS
1	Thang thẳng đứng	Kích thước	Theo Mục 4.1.1 và 4.1.2 TCVN 12187-2:2018	Theo Điều 5 TCVN 12187-2:2018	9506.19.00
		Sự toàn vẹn kết cấu	Theo Khoản 4.1 TCVN 12187-1:2017		
		Khả năng chống trượt	Theo Bảng 1 Khoản 4.8 TCVN 12187-1:2017		
2	Thang nghiêng	Kích thước	Theo mục 4.1.1 và 4.1.3 TCVN 12187-2:2018	Theo Điều 5 TCVN 12187-2:2018	9506.19.00
		Sự toàn vẹn kết cấu	Theo Khoản 4.1 TCVN 12187-1:2017		
		Khả năng chống trượt	Theo Bảng 1 Khoản 4.8 TCVN 12187-1:2017		
3	Tay nắm uốn cong	Kích thước	Theo mục 4.1.1 và 4.1.4 TCVN 12187-2:2018	Theo Điều 5 TCVN 12187-2:2018	9506.19.00
		Sự toàn vẹn kết cấu	Theo Khoản 4.1 TCVN 12187-1:2017		
		Khả năng chống trượt	Theo Bảng 1 Khoản 4.8 TCVN 12187-1:2017		
4	Cửa hút, xả nước/ khí phục vụ các tính năng vui chơi giải trí dưới nước	Yêu cầu chung	Theo Khoản 4.1 TCVN 12187-3:2018	Theo Khoản 5.1 TCVN 12187-3:2018	9506.19.00
		Sự toàn vẹn kết cấu	Theo Khoản 4.2 TCVN 12187-3:2018	Theo Khoản 5.2 TCVN 12187-3:2018	
		Tốc độ nước tại cửa hút	Theo Khoản 4.3 TCVN 12187-3:2018	Theo Phụ lục B TCVN 12187-3:2018	
		Kẹt tóc	Theo Khoản 4.4 TCVN 12187-3:2018	Theo Khoản 5.3 TCVN 12187-3:2018	
		Khả năng chống trượt của lưới chắn	Theo Khoản 4.5 TCVN 12187-3:2018	Theo Bảng 1 Khoản 4.8 TCVN 12187-1:2017	
		Rủi ro bị kẹt khi hút nước	Theo Khoản 4.6 TCVN 12187-3:2018	Theo Khoản 5.1 TCVN 12187-3:2018	
		Vị trí để tạo ra các tính năng giải trí	Theo Khoản 4.7 TCVN 12187-3:2018		
		Dòng chảy và sóng	Theo Khoản 4.8 TCVN 12187-3:2018		
		Yêu cầu bổ sung đối với các tính năng giải trí cụ thể	Theo Khoản 4.9 TCVN 12187-3:2018		
5	Bục xuất phát	Thiết kế và sản xuất	Theo Khoản 4.1 TCVN 12187-4:2019	Theo Điều 5 TCVN 12187-4:2019	9506.19.00
		Tính toàn vẹn kết cấu	Theo Khoản 4.2 TCVN 12187-4:2019		
		Chống trượt	Theo Khoản 4.3 TCVN 12187-4:2019		
		Hướng dẫn của nhà sản xuất	Theo Điều 6 TCVN 12187-4:2019		

Bảng 1 - Danh mục thiết bị bể bơi (tiếp theo)

TT	Tên sản phẩm	Chỉ tiêu kỹ thuật	Mức yêu cầu	Phương pháp thử	Mã HS
6	Dải phân cách	Thiết kế	Theo Mục 4.1.1 TCVN 12187-5:2019	Theo Khoản 4.2 TCVN 12187-5:2019	9506.19.00
		Tính toán vện kết cấu	Theo Mục 4.1.2 TCVN 12187-5:2019		
		Thiết bị căng	Theo Mục 4.1.3 TCVN 12187-5:2019		
		Móc nối an toàn	Theo Mục 4.1.4 TCVN 12187-5:2019		
		Kẹt	Theo Khoản 4.7 TCVN 12187-1:2017		
		Nén	Theo Mục 4.1.6 TCVN 12187-5:2019		
		Độ nổi	Theo Mục 4.1.7 TCVN 12187-5:2019		
		Vận hành an toàn	Theo Mục 4.1.8 TCVN 12187-5:2019		
7	Đường phân chia	Yêu cầu chung	Theo Mục 5.3.1 TCVN 12187-5:2019	Theo Mục 5.4.1 TCVN 12187-5:2019	9506.19.00
		Dây phân chia	Theo Mục 5.3.2 TCVN 12187-5:2019	Theo Mục 5.4.2 TCVN 12187-5:2019	
		Khóa giữ dây phân chia	Theo Mục 5.3.3 TCVN 12187-5:2019	Theo Mục 5.4.3 TCVN 12187-5:2019	
		Thiết bị căng	Theo Mục 5.3.4 TCVN 12187-5:2019	Theo Mục 5.4.1 TCVN 12187-5:2019	
8	Ván quay vòng	Kích thước	Theo Khoản 4.1 TCVN 12187-6:2021	Theo Điều 5 TCVN 12187-6:2021	9506.19.00
		Tính toán vện kết cấu	Theo Khoản 4.2 TCVN 12187-6:2021		
		Tính tuần hoàn nước	Theo Khoản 4.3 TCVN 12187-6:2021		
		Cạnh trên và cạnh bên	Theo Khoản 4.4 TCVN 12187-6:2021		
		Khoảng mở cho đường phân làn	Theo Khoản 4.5 TCVN 12187-6:2021		
9	Cầu môn bóng nước	Kích thước	Theo Khoản 4.1 TCVN 12187-7:2021	Theo Khoản 5.1 TCVN 12187-7:2021	9506.19.00
		Tính toán vện kết cấu	Theo Khoản 4.2 TCVN 12187-7:2021	Theo Khoản 5.2 TCVN 12187-7:2021	
		Khả năng nổi	Theo Khoản 4.3 TCVN 12187-7:2021	Theo Khoản 5.1 TCVN 12187-7:2021	
		Độ ổn định	Theo Khoản 4.4 TCVN 12187-7:2021	Theo Khoản 5.4 TCVN 12187-7:2021	
		Lưới	Theo Khoản 4.5 TCVN 12187-7:2021	Theo Khoản 5.3 TCVN 12187-7:2021	
		Độ chùng của lưới	Theo Khoản 4.6 TCVN 12187-7:2021	Theo Khoản 5.1 TCVN 12187-7:2021	
		Cố định vị trí	Theo Khoản 4.7 TCVN 12187-7:2021		

Bảng 1 - Danh mục thiết bị bể bơi (tiếp theo)

TT	Tên sản phẩm	Chỉ tiêu kỹ thuật	Mức yêu cầu	Phương pháp thử	Mã HS
10	Cầu nhảy cứng, cầu nhảy mềm và các thiết bị liên quan	Dung sai	Theo Khoản 4.1 TCVN 12187-10:2021	Theo Điều 5 TCVN 12187-10:2021	9506.19.00
		Cầu nhảy cứng	Theo Khoản 4.2 TCVN 12187-10:2021		
		Cầu nhảy mềm	Theo Khoản 4.3 TCVN 12187-10:2021		
		Các phương tiện tiếp cận	Theo Khoản 4.4 TCVN 12187-10:2021		
		Rào chắn an toàn	Theo Khoản 4.5 TCVN 12187-10:2021		
		Chống trơn trượt	Theo Khoản 4.6 TCVN 12187-10:2021		
		Khu nước nhảy cầu	Theo Khoản 4.7 TCVN 12187-10:2021		
		Thiết bị khuấy động mặt nước	Theo Khoản 4.8 TCVN 12187-10:2021		
		Thiết bị đệm khí	Theo Khoản 4.9 TCVN 12187-10:2021		
11	Sàn bể bơi di động	Yêu cầu chung	Theo Mục 5.1.1 TCVN 12187-11:2021	Theo Điều 6 TCVN 12187-11:2021	9506.19.00
		Tính toàn vẹn kết cấu	Theo Mục 5.1.2 TCVN 12187-11:2021		
		Các chuyển động không mong muốn	Theo Mục 5.1.3 TCVN 12187-11:2021		
		Ngăn ngừa kẹt	Theo Mục 5.1.4 TCVN 12187-11:2021		
		Chống trơn trượt	Theo Mục 5.1.5 TCVN 12187-11:2021		
		Ngăn ngừa té ngã	Theo Mục 5.1.6 TCVN 12187-11:2021		
		Ngăn ngừa bơi phía dưới sàn di động	Theo Mục 5.1.7 TCVN 12187-11:2021		
		Ngăn ngừa mối nguy đến từ di chuyển của sàn bể bơi di động	Theo Mục 5.1.8 TCVN 12187-11:2021		
		Ngăn ngừa nguy cơ đến từ độ sâu của nước	Theo Mục 5.1.9 TCVN 12187-11:2021		
		Ngăn ngừa nguy cơ đến từ hoạt động nhảy cầu	Theo Mục 5.1.10 TCVN 12187-11:2021		
		Ngăn ngừa các nguy cơ đến từ trở ngại với các bộ phận khác của thiết bị	Theo Mục 5.1.11 TCVN 12187-11:2021		
		Ngăn ngừa trở ngại với hệ thống tuần hoàn nước	Theo Mục 5.1.12 TCVN 12187-11:2021		

Bảng 1 - Danh mục thiết bị bể bơi (tiếp theo)

TT	Tên sản phẩm	Chỉ tiêu kỹ thuật	Mức yêu cầu	Phương pháp thử	Mã HS
12	Vách ngăn di động	Yêu cầu chung	Theo Mục 5.2.1 TCVN 12187-11:2021	Theo Điều 6 TCVN 12187-11:2021	9506.19.00
		Kích thước	Theo Mục 5.2.2 TCVN 12187-11:2021		
		Tính toàn vẹn kết cấu	Theo Mục 5.2.3 TCVN 12187-11:2021		
		Các chuyển động không mong muốn	Theo Mục 5.2.4 TCVN 12187-11:2021		
		Ngăn ngừa kẹt	Theo Mục 5.2.5 TCVN 12187-11:2021		
		Chống trơn trượt	Theo Mục 5.2.6 TCVN 12187-11:2021		
		Ngăn ngừa nguy cơ đến từ chuyển động của vách ngăn	Theo Mục 5.2.7 TCVN 12187-11:2021		
		Ngăn ngừa nguy cơ từ ray trượt	Theo Mục 5.2.8 TCVN 12187-11:2021		
		Ngăn ngừa nguy cơ từ trở ngại với các phần khác của thiết bị	Theo Mục 5.2.9 TCVN 12187-11:2021		
		Ngăn ngừa trở ngại với hệ thống tuần hoàn	Theo Mục 5.2.10 TCVN 12187-11:2021		

3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1. Điều kiện lưu thông trên thị trường

Các thiết bị bể bơi thuộc phạm vi của quy chuẩn kỹ thuật này phải công bố hợp quy phù hợp với các quy định kỹ thuật tại Điều 2 của quy chuẩn kỹ thuật này, gắn dấu hợp quy (dấu CR) và ghi nhãn hàng hóa trước khi lưu thông trên thị trường và chịu sự kiểm tra trên thị trường của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3.2. Quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy

3.2.1. Công bố hợp quy

Việc công bố hợp quy thiết bị bể bơi phải dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký lĩnh vực hoạt động theo quy định tại Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp (sau đây viết tắt là Nghị định số 107/2016/NĐ-CP), Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành (sau đây viết tắt là Nghị định số 154/2018/NĐ-CP) hoặc được thừa nhận theo quy định của Thông tư số 27/2007/TT-BKHCHN ngày 31/10/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc ký kết

và thực hiện các Hiệp định và thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp (sau đây viết tắt là Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN).

3.2.2. Chứng nhận hợp quy

a) Đối với thiết bị bể bơi sản xuất trong nước:

- Chứng nhận hợp quy theo Phương thức 5 “Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất” tại cơ sở sản xuất thiết bị bể bơi.

Hoặc:

- Chứng nhận hợp quy theo Phương thức 7: Thử nghiệm mẫu đại diện, đánh giá sự phù hợp của lô sản phẩm, hàng hóa tại cơ sở sản xuất thiết bị bể bơi trong trường hợp cơ sở sản xuất không thể áp dụng các yêu cầu đảm bảo chất lượng theo Phương thức 5.

b) Đối với thiết bị bể bơi nhập khẩu:

- Chứng nhận hợp quy theo Phương thức 7: Thử nghiệm mẫu đại diện, đánh giá sự phù hợp của lô sản phẩm, hàng hóa đối với từng lô thiết bị bể bơi nhập khẩu trong trường hợp lô thiết bị thể dục dụng cụ chưa được chứng nhận hợp quy theo Phương thức 5 quy định tại quy chuẩn kỹ thuật này.

Hoặc:

- Chứng nhận hợp quy theo Phương thức 5 tại cơ sở sản xuất ở nước ngoài khi có yêu cầu từ phía cơ sở sản xuất nước ngoài theo quy định tại điểm a) mục 3.2.

c) Thử nghiệm phục vụ việc chứng nhận phải được thực hiện bởi tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định của Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP hoặc được thừa nhận theo quy định của Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN. Phạm vi thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm phải đáp ứng các yêu cầu quy định của quy chuẩn kỹ thuật này.

d) Hiệu lực của Giấy chứng nhận hợp quy có giá trị không quá 3 năm.

3.3. Sử dụng dấu hợp quy:

Dấu hợp quy phải tuân thủ theo Khoản 2 Điều 4 của “Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy” ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.

3.4. Trình tự, thủ tục và hồ sơ công bố hợp quy

Trình tự, thủ tục và hồ sơ công bố hợp quy đối với thiết bị bể bơi sản xuất trong nước và nhập khẩu thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN.

4. CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN HỢP QUY, TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM

4.1. Hoạt động chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm sản phẩm, hàng hóa thiết bị bể bơi được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

4.2. Các tổ chức thử nghiệm, tổ chức chứng nhận có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp về thử nghiệm, chứng nhận theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/NĐ-CP, Nghị định số 62/2016/NĐ-CP và có năng lực đáp ứng yêu cầu về thử nghiệm, chứng nhận đối với thiết bị bể bơi phù hợp với quy định tại QCVN xxx: 2023/BVHTTDL, lập hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, chỉ định là tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN HỢP QUY VÀ CÔNG BỐ HỢP QUY

5.1. Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

- a) Hướng dẫn hoạt động chứng nhận hợp quy;
- b) Tổ chức xây dựng, soát xét, sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị bể bơi;
- c) Chủ trì, phối hợp với Cục Thể dục thể thao và Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương kiểm tra, đánh giá năng lực và đề xuất Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quyết định chỉ định và công bố các tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm;
- d) Gửi 01 bản quyết định chỉ định cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức chứng nhận hợp quy để phối hợp theo dõi, quản lý;
- đ) Tiếp nhận Hồ sơ miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu của các tổ chức, cá nhân và có văn bản xác nhận hoặc từ chối miễn kiểm tra theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP;
- e) Theo dõi, tổng hợp tình hình hoạt động của các tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm;
- g) Phối hợp với Cục Thể dục thể thao theo dõi, tổng hợp, kiểm tra tình hình hoạt động công bố hợp quy của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5.2. Cục Thể dục thể thao - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổ chức xây dựng, soát xét, sửa đổi, bổ sung quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị bể bơi; kiểm tra, đánh giá năng lực, đề xuất Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định chỉ định và công bố các tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm; xem xét miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2;

b) Kiểm tra tình hình hoạt động của các tổ chức chứng nhận hợp quy, tổ chức thử nghiệm;

c) Theo dõi, tổng hợp, kiểm tra tình hình hoạt động công bố hợp quy của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5.3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân đối với thiết bị bể bơi;

b) Quản lý, thanh tra, kiểm tra các hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy đối với thiết bị bể bơi trên địa bàn;

c) Tổng hợp tình hình hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy và gửi báo cáo về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.4. Tổ chức chứng nhận hợp quy có trách nhiệm:

a) Định kỳ sáu tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, gửi báo cáo bằng văn bản về kết quả hoạt động chứng nhận hợp quy về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa và Thể thao địa phương và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Trường hợp đình chỉ hoặc thu hồi giấy chứng nhận hợp quy đã cấp, gửi văn bản báo cáo về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa và Thể thao để theo dõi, quản lý.

c) Khi có thay đổi ảnh hưởng tới năng lực hoạt động chứng nhận hợp quy đã đăng ký thì thông báo cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức chứng nhận hợp quy trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày có sự thay đổi.

d) Tổ chức chứng nhận hợp quy phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu của các tổ chức, cá nhân.

5.5. Các tổ chức, cá nhân công bố hợp quy có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN và Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN.

5.6. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thiết bị bể bơi phải đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5.7. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thiết bị bể bơi phải đảm bảo yêu cầu quy định tại Điều 2 và thực hiện quy định tại Điều 3 của quy chuẩn kỹ thuật này.

5.8. Tổ chức, cá nhân sản xuất thiết bị bể bơi sau khi được chứng nhận hợp quy phải đăng ký bản công bố hợp quy tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi đăng ký kinh doanh theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN.

5.9. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu thiết bị bể bơi có trách nhiệm cung cấp các bằng chứng về sự phù hợp của sản phẩm với quy chuẩn kỹ thuật này khi có yêu cầu hoặc khi được kiểm tra theo quy định đối với hàng hóa lưu thông trên thị trường.

5.10. Tổ chức, cá nhân phân phối, bán lẻ phải bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hoá đã được chứng nhận hợp quy và có gắn dấu hợp quy và nhãn phù hợp với các quy định hiện hành.

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Cục Thể dục thể thao có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý chức năng có liên quan hướng dẫn và tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này.

6.2. Căn cứ vào yêu cầu quản lý, Cục Thể dục thể thao có trách nhiệm kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chuẩn kỹ thuật này phù hợp với thực tiễn.

6.3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại quy chuẩn kỹ thuật này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản hiện hành. Trường hợp các tiêu chuẩn, mã HS viện dẫn tại quy chuẩn kỹ thuật này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo hướng dẫn của Cục Thể dục thể thao./.